

Số: 735/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 08 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 745/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đinh Thị A Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 15/3 khu phố 03, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Trương Văn Q, sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 26/300 Thống Nhất, Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Đinh Thị A Đ và ông Trần Văn Q là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyển số 01/99 ngày 23/12/1999 của Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 22/6/2020 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 30/6/2020, ông Q và bà Đ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, về con chung tên Trần Ngọc Mỹ U, sinh ngày 17/6/2000 hiện đã trưởng thành và Trần Quốc A, sinh ngày 15/7/2004; bà Đ là người trực tiếp

nuôi dưỡng con chung trẻ Trần Quốc A, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Q và bà Đ thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm Q lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận bà Đinh Thị A Đ và ông Trần Văn Q thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 91 quyền số 01/99 ngày 23/12/1999 của Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Ngọc Mỹ U, sinh ngày 17/6/2000 hiện đã trưởng thành và Trần Quốc A, sinh ngày 15/7/2004; Giao cho bà Đinh Thị A Đ là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Quốc A, sinh ngày 15/7/2004 đến tuổi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho ông Q đến khi bà Đ có yêu cầu.

Ông Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Văn Q và bà Đinh Thị A Đ phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng cần trừ số tiền các đương sự đã tạm nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai số 0026436 ngày 24/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hương